CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Cán thép Thái Trung

Ngày 31/03/2025	4,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**-4.8%**	-

DT thuần
Q1/25
1,546
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 64.0| 4.3%
YoY: ▲ 330| 27.2%

LN thuần
Q1/25
0.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.49| 146%
YoY: ▼4.95| -86.4%

LN sau thuế
Q1/25
0.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.94| 142%
YoY: ▼3.98| -87.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
0.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

ROE (TTM)
Q1/25
2.4%
YoY: +/-▼ 1.3%

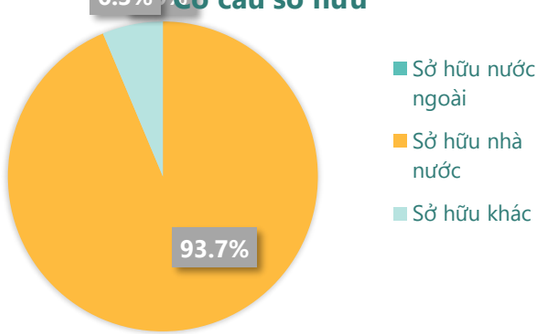
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,600 - 9,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	203
Số lượng CPLH (CP)	50,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.26
EPS	143
P/E	28.1

DT thuần
2024
5,338
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,166| 28.0%

LN thuần
2024
12.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.72| 42.2%

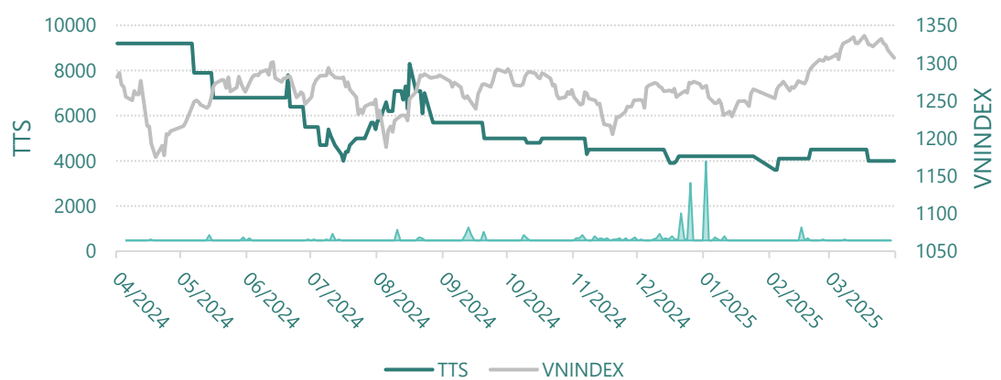
LN sau thuế
2024
11.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.25| 281%

Cơ cấu sở hữu

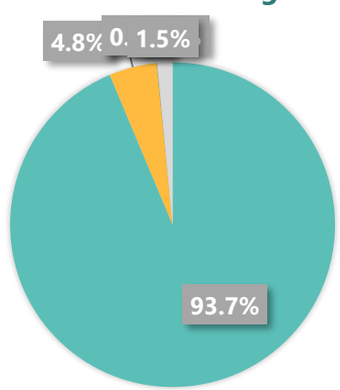


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

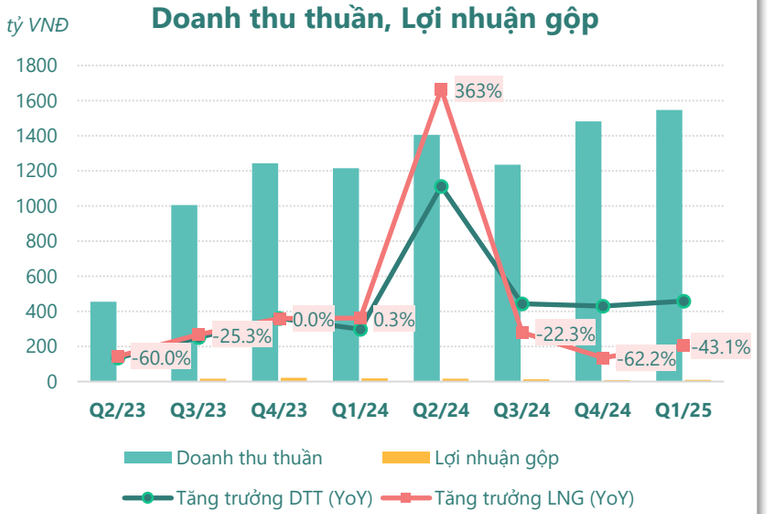


- CTCP Gang thép Thái Nguyên
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam
- Phan Đình Hạnh
- Phạm Thế Dũng
- Đỗ Thủy Hường (Trưởng ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

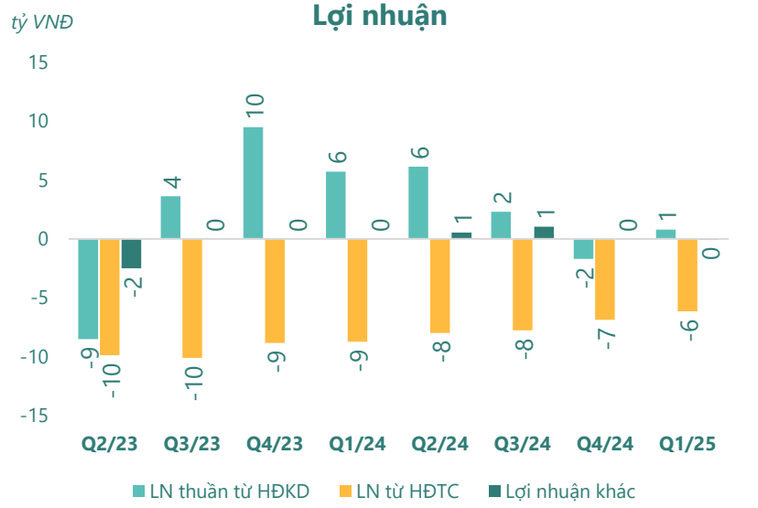
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



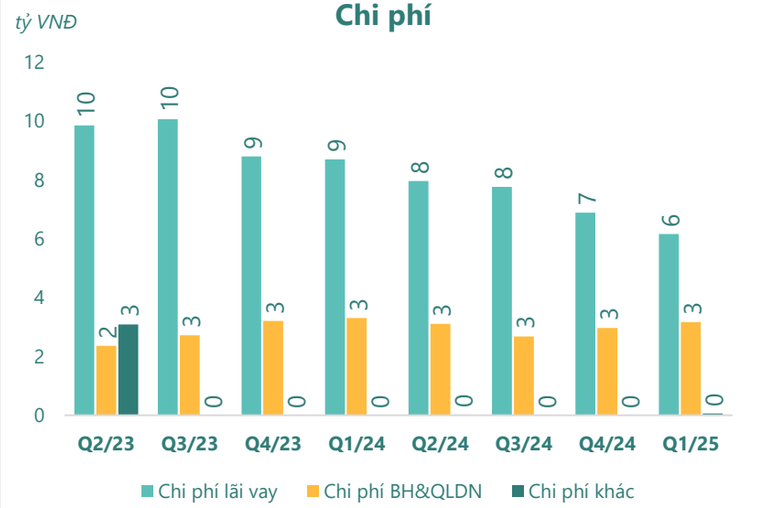
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



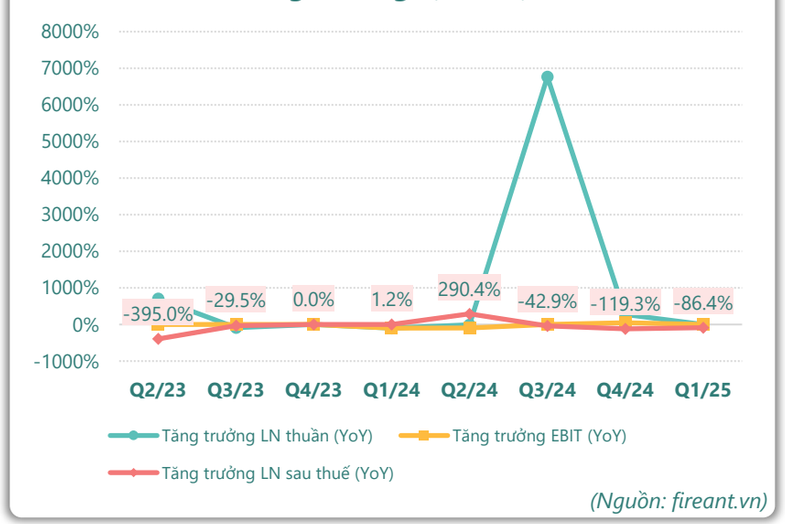
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



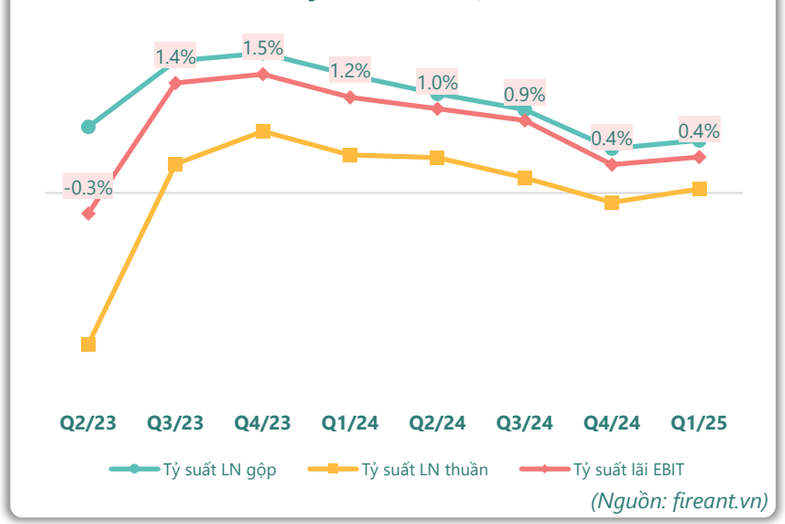
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



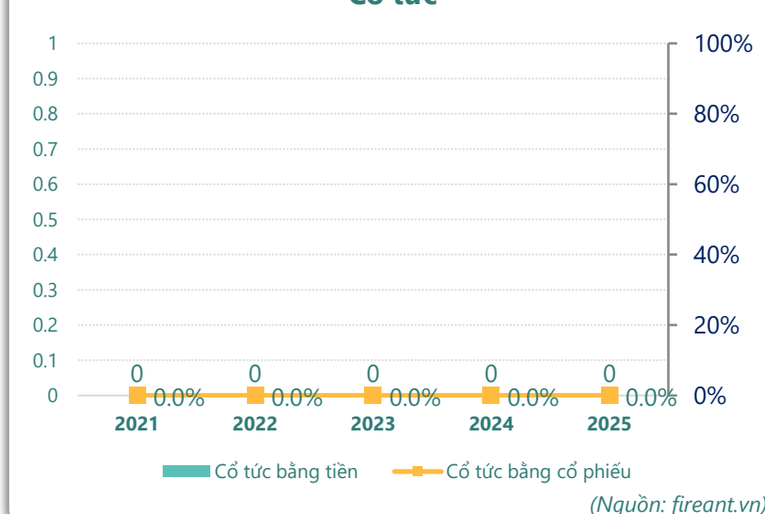
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

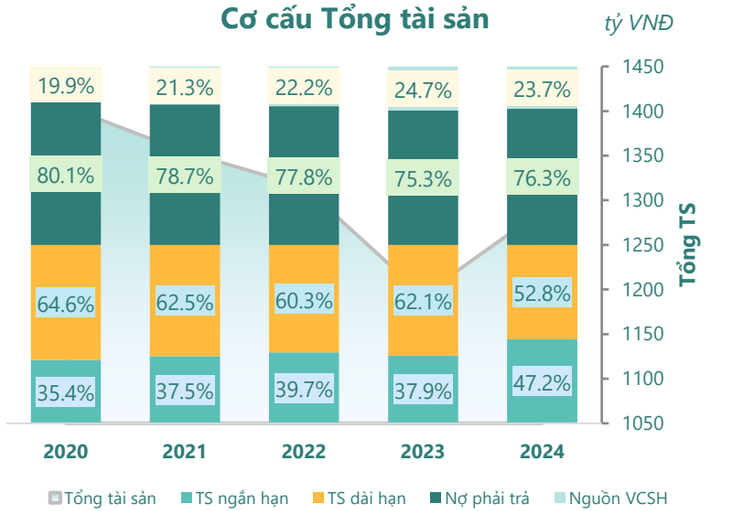
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

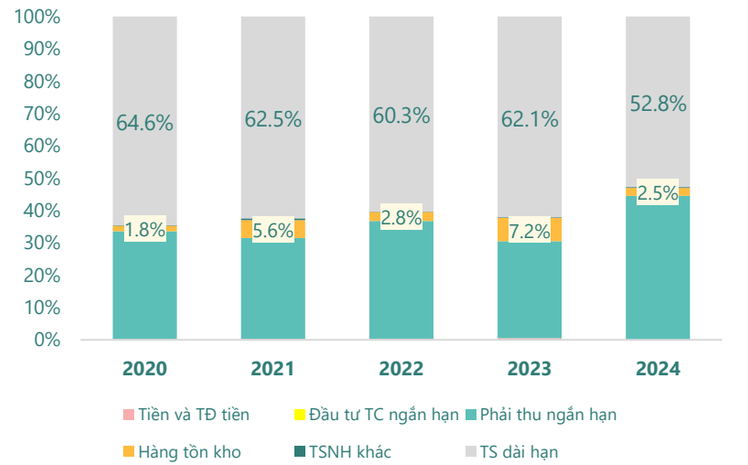
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



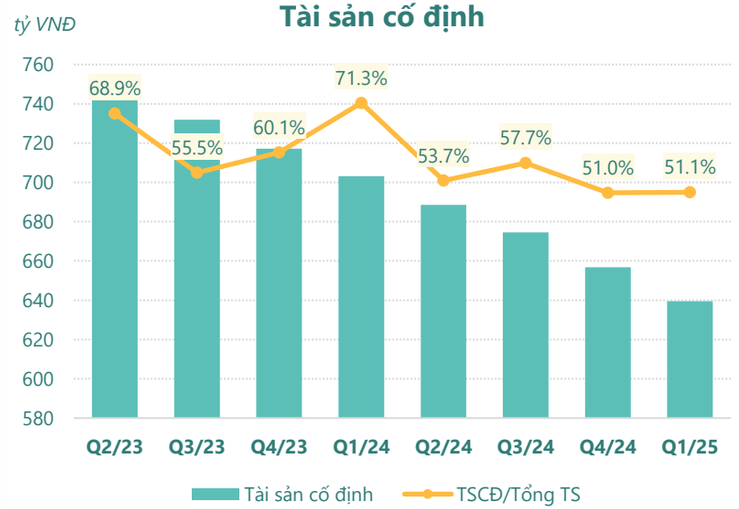
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



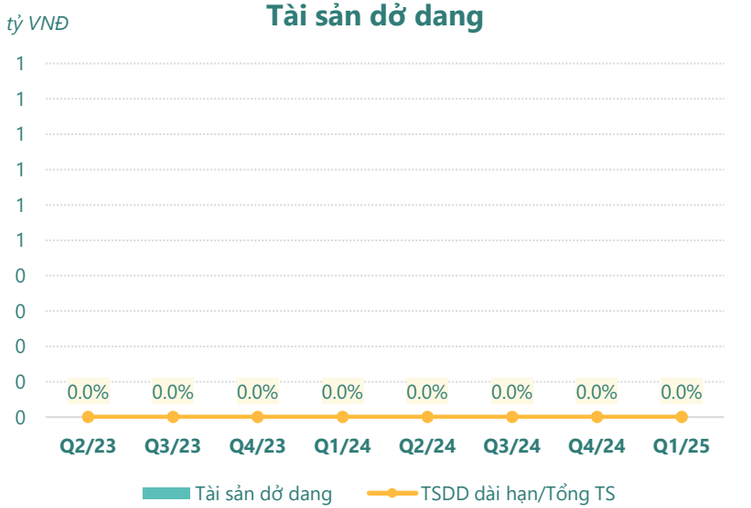
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



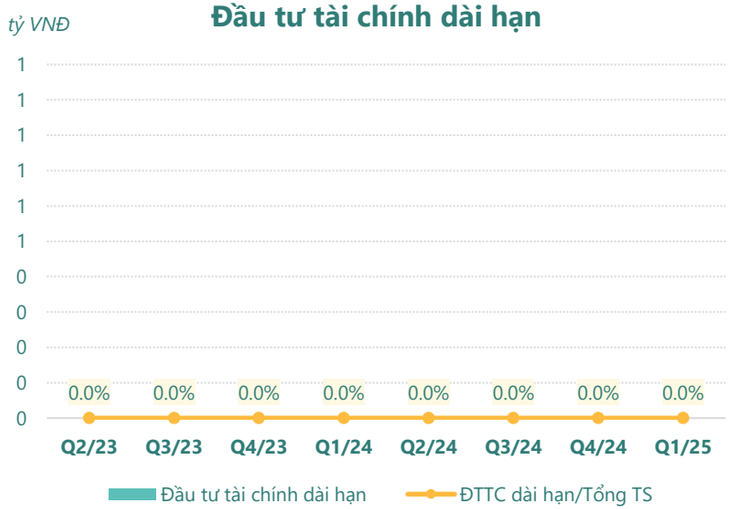
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



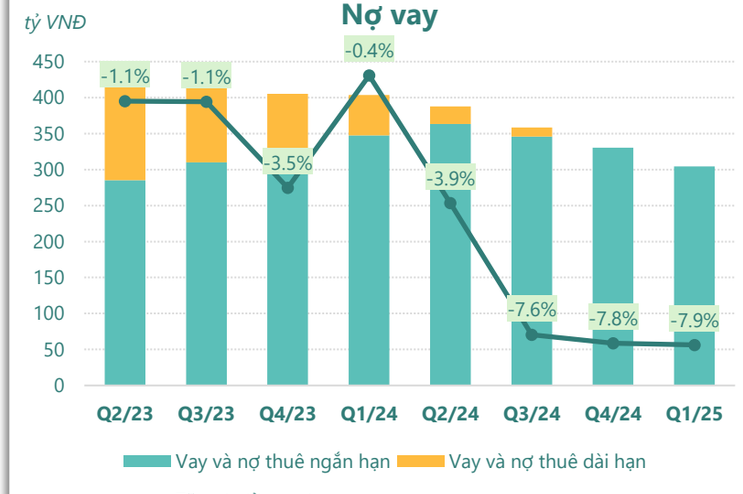
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

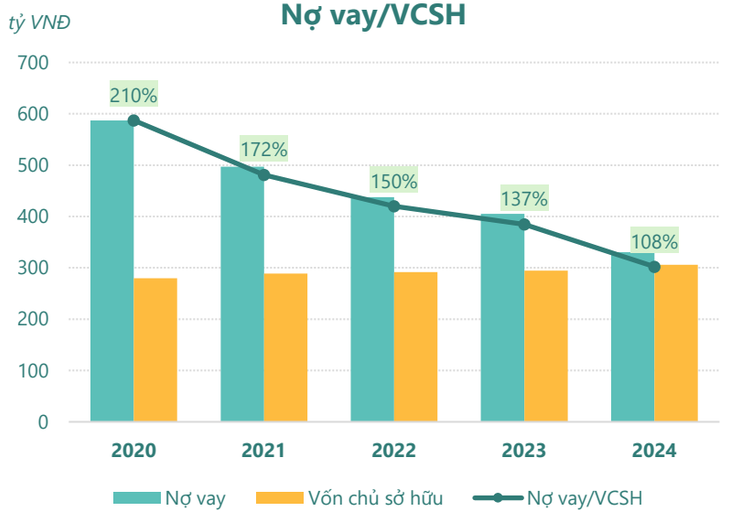
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



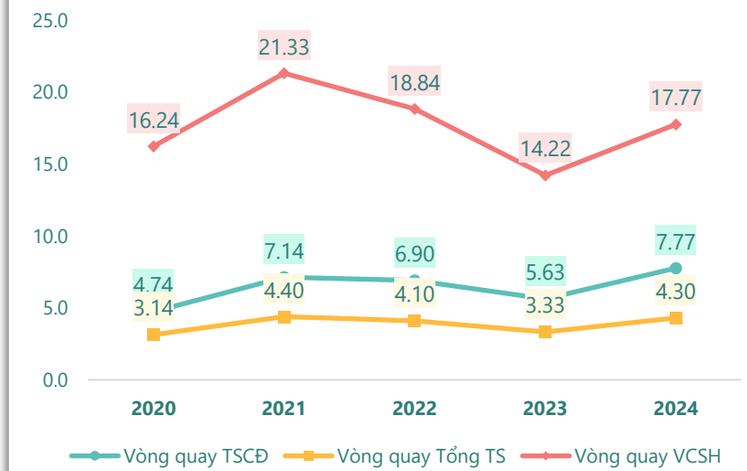
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



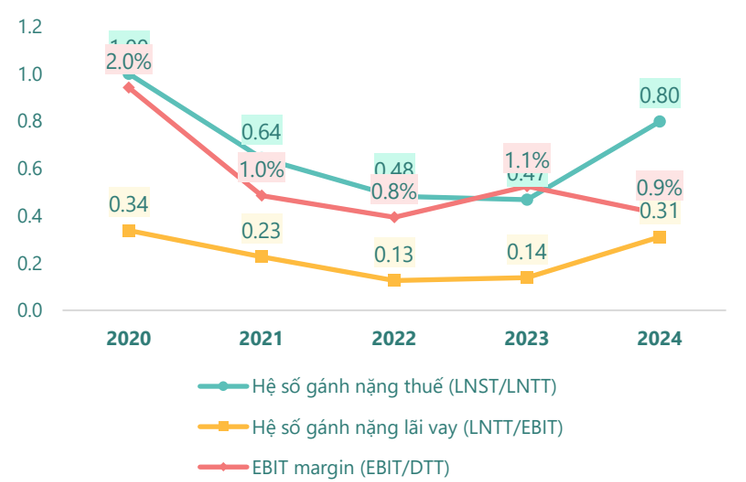
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



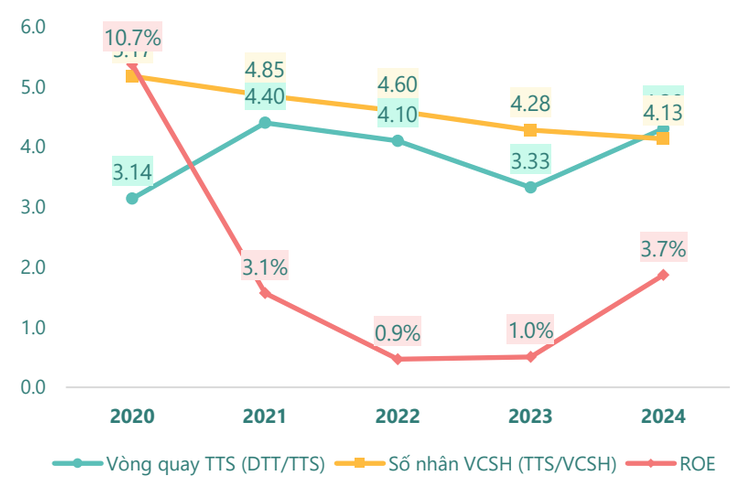
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



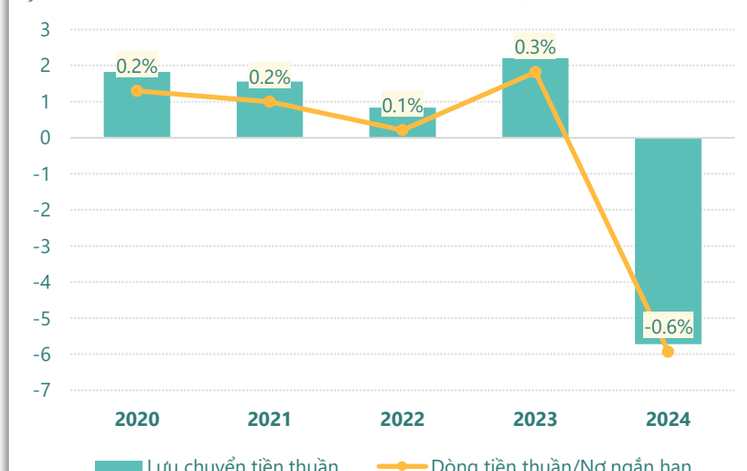
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,546**	**1,216**	**27.2%**	**5,338**	**4,172**	**28.0%**
Giá vốn hàng bán	1,536	1,198	28.2%	5,282	4,112	28.5%
Lợi nhuận gộp	10.1	17.8	-43.2%	56.0	59.4	-5.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-9.1%
Chi phí TC	6.17	8.74	-29.4%	31.4	39.5	-20.4%
Chi phí lãi vay	6.17	8.71	-29.2%	31.3	39.3	-20.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.08	0.05	65.7%	0.23	0.18	23.9%
Chi phí QLDN	**3.08**	**3.25**	**-5.1%**	**11.8**	**11.0**	**7.3%**
LN thuần từ HĐKD	0.78	5.73	-86.4%	12.5	8.78	42.2%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**0.00**		**1.59**	**-2.48**	**164%**
LN trước thuế	0.73	5.73	-87.3%	14.1	6.30	123%
Lợi nhuận sau thuế	**0.57**	**4.55**	**-87.5%**	**11.2**	**2.95**	**281%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.57**	**4.55**	**-87.5%**	**11.2**	**2.95**	**281%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.9	-4.72	17.6	28.0	28.3	25.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.7	-1.56	-15.9	-29.4	-28.1	-26.0
Tiền đầu kỳ	0.43	6.64	0.35	2.09	0.64	0.92
Lưu chuyển tiền thuần	**6.21**	**-6.28**	**1.73**	**-1.44**	**0.27**	**-0.73**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.64	0.35	2.09	0.64	0.92	0.19

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,252**	**1,289**	**-2.8%**
Tài sản ngắn hạn	588	608	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	0.19	0.92	-79.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	554	573	-3.2%
Hàng tồn kho	31.9	32.5	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.89	2.41	-21.6%
Tài sản dài hạn	**664**	**680**	**-2.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	640	657	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**24.1**	**23.5**	**2.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	946	983	-3.8%
Nợ ngắn hạn	**946**	**983**	**-3.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	304	330	-7.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	633	633	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**307**	**306**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**307**	**306**	**0.2%**
Vốn điều lệ	508	508	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)